

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 4 - 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Ngọc Nga.

Bà Hoàng Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu
vực 1 - Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Đức Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh
Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2025/TLST- HNGĐ
ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 18
tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST - HNGĐ
ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thu H, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: số 29 đường Ng, phố Th, phường H, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: ngách 07, ngõ 221, đường Tr, phố N, phường N, tỉnh
Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Trần Việt H, sinh năm 1981.

Trú tại: ngách 07, ngõ 221, đường Tr, phố N, phường N, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị Phạm Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh
Trần Việt H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, bản khai bổ sung nguyên đơn là chị
Phạm Thu H trình bày: chị và anh Trần Việt H được tự do tìm hiểu và tự nguyện
đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố N (nay là phường
H), tỉnh Ninh Bình vào ngày 31/3/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa

thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác anh H nghi ngờ chị có người đàn ông khác. Từ đó anh H thường xuyên chửi bới, sỉ nhục và hành hạ chị. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, anh chị tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Việt H.

Về nuôi con chung: chị và anh Trần Việt H có 03 con chung là cháu Trần Việt Quang H, sinh ngày 19/01/2006, cháu Trần Việt Trường Gi, sinh ngày 11/8/2012 và cháu Trần Việt Huy H, sinh ngày 23/9/2019. Nay vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Việt Trường Gi, sinh ngày 11/8/2012 và cháu Trần Việt Huy H, sinh ngày 23/9/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành, còn cháu Trần Việt Quang H hiện nay đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Phạm Thu H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Việt H nhưng anh H không có văn bản trả lời, không có bản tự khai và cũng không đến Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản giấy tờ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, Điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147, 228 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị HĐXX xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thu H

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thu H được ly hôn với anh Trần Việt H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thu H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Việt Trường Gi sinh ngày 11/8/2012 và cháu Trần Việt Huy H, sinh ngày 23/9/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản; các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thu H phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003167 ngày 27 tháng 11 năm 2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị Phạm Thu H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Việt H ở địa chỉ: ngách 07, ngõ 221, đường Tr, phố N, phường N, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thu H cung cấp anh Trần Việt H có địa chỉ tại ngách 07, ngõ 221, đường Tr, phố N, phường N, tỉnh Ninh Bình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo để đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh giữa anh và chị Phạm Thu H mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng.

Tại phiên tòa ngày 06/4/2026 anh Trần Việt H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 21/4/2026 anh Trần Việt H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều

228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thu H và anh Trần Việt H kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 31/3/2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Ninh Bình. Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thu H và anh Trần Việt H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác anh H nghi ngờ chị H có người đàn ông khác, anh chị tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên bản thân chị H, anh H không có sự quan tâm chia sẻ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tháo gỡ những mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng anh H không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 10/02/2026 ông Trần Văn B là bố đẻ anh Trần Việt H trình bày trong quá trình chung sống giữa anh H và chị H có xảy ra mâu thuẫn gia đình cũng đã khuyên bảo anh H và chị H nhưng mâu thuẫn giữa anh chị cũng không khắc phục được. Việc chị H xin ly hôn anh H thì anh H có biết và anh H có nói anh cũng nhất trí ly hôn nhưng do công việc anh H sẽ không đến làm việc.

Từ căn cứ trên xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nếu cứ níu kéo sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của mỗi người. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thu H là phù hợp với pháp luật.

[4] Về nuôi con chung: chị Phạm Thu H và anh Trần Việt H có 03 con chung là cháu Trần Việt Quang H, sinh ngày 19/01/2006, cháu Trần Việt Trường Gi, sinh ngày 11/8/2012 và cháu Trần Việt Huy H, sinh ngày 23/9/2019. Nay vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng và giáo dục cháu Trần Việt Trường Gi, sinh ngày 11/8/2012 và cháu Trần Việt Huy H, sinh ngày 23/9/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành, qua đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Việt Trường Gi thì nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ, còn cháu Trần Việt Huy H dưới 7 tuổi nên chưa có đơn trình bày nguyện vọng. Việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chưa thành niên khi vợ chồng ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, tuy nhiên từ khi các cháu sinh ra chị H là người nuôi dưỡng chăm sóc các cháu từ trước đến nay. Để thuận tiện trong việc nuôi dưỡng giáo dục chỉ bảo con chung cần giao cháu Gi và cháu H cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp, do vậy cần chấp nhận yêu cầu giao con của chị Phạm Thu H.

Đối với cháu Trần Việt Quang H hiện nay đã trên 18 tuổi chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thu H trình bày hiện nay chị có công việc và có mức thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Gi và cháu H về mọi mặt nên chị không yêu cầu anh Trần Việt H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã giải thích theo quy định của pháp luật người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho người trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên chị H vẫn khẳng định chị có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cháu Gi và cháu H mà không cần sự đóng góp từ phía anh H. Việc chị H không yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện. Do đó cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thu H.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Thu H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thu H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Việt H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Phạm Thu H được ly hôn anh Trần Việt H.

2/ Về nuôi con chung: giao cháu Trần Việt Trường Gi, sinh ngày 11/8/2012 và cháu Trần Việt Huy H, sinh ngày 23/9/2019 cho chị Phạm Thu H được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Gi và cháu H trưởng thành và có khả năng lao động. Anh Trần Việt H có quyền đi lại thăm nom con chung.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thu H tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

3/ Về chia tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Thu H không đề nghị Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003167 ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Phạm Thu H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 1 – Ninh Bình;
- UBND phường N, tỉnh Ninh Bình.
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú